

GIÁM ĐỐC DUYỆT
HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 21/04/2021

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM KLTN (ĐẠI HỌC-K11)
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM TÍCH LŨY
1	1751010413	HUỖNH LÊ NGỌC KHÁNH	ĐOAN	06/07/1999	17ĐHQTC	3,31
2	1751010015	THÁI NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	21/07/1999	17ĐHQTC	3,54
3	1751010429	NGUYỄN THỊ HẢI	DUYÊN	02/11/1999	17ĐHQTC	3,23
4	1751010052	TRƯƠNG THỊ THANH	GIANG	10/11/1999	17ĐHQTC	3,15
5	1751010365	HUỖNH THỊ HỒNG	KHOA	19/09/1999	17ĐHQTC	3,12
6	1751010417	ĐOÀN THỊ THÙY	LINH	11/06/1999	17ĐHQTC	3,2
7	1751010273	DIỆP BẢO	NGÂN	07/02/1999	17ĐHQTC	3,28
8	1551010389	NGUYỄN TUYẾT	NGÂN	03/04/1997	17ĐHQTC	3,12
9	1751010160	LƯU THOẠI	PHƯỢNG	13/11/1999	17ĐHQTC	3,16
10	1751010150	NGÔ TIẾN	QUANG	07/10/1999	17ĐHQTC	3,29
11	1751010213	PHẠM THỊ TRÚC	QUỖNH	01/05/1999	17ĐHQTC	3,12
12	1751010098	PHẠM LÊ THỦY	TRÚC	25/03/1999	17ĐHQTC	3,08
13	1751010303	VÕ NHẬT	TRƯỜNG	10/10/1999	17ĐHQTC	3,08
14	1751010198	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	03/11/1999	17ĐHQTC	3,42
15	1751010333	NGUYỄN HOÀNG MINH	ANH	15/11/1999	17ĐHQTDL	3,4
16	1751010468	PHAN THỊ KIM	CÚC	14/02/1999	17ĐHQTDL	3,36
17	1751010014	LÝ NHẬT	DIỆU	28/03/1999	17ĐHQTDL	3,43
18	1751010447	PHAN THỊ LÂM	NHI	05/11/1998	17ĐHQTDL	3,12
19	1751010131	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	13/04/1999	17ĐHQTDL	3,11
20	1751010367	PHẠM THỊ THANH	TÂM	25/01/1999	17ĐHQTDL	3,26
21	1751010387	TRẦN HỮU	THIỆN	06/07/1999	17ĐHQTDL	3,13
22	1751010370	NGUYỄN THỊ MINH	THƠ	13/06/1999	17ĐHQTDL	3,24
23	1751010021	PHAN THỊ NGỌC	TRÂM	09/06/1999	17ĐHQTDL	3,02
24	1751010426	BÙI NGỌC	TRÂN	24/05/1999	17ĐHQTDL	3,2
25	1751010028	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	07/11/1999	17ĐHQTDL	3,04
26	1751010436	NGÔ KIM	UYÊN	03/11/1999	17ĐHQTDL	3,35
27	1751010129	NGUYỄN HOÀNG THẢO	VY	05/07/1999	17ĐHQTDL	3,1
28	1751010320	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	17/04/1999	17ĐHQTTTH	3,52
29	1751010009	LƯƠNG HOÀNG	NHƯ	03/01/1999	17ĐHQTTTH	3,34

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	LỚP	ĐIỂM TÍCH LŨY
68	1751010189	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	24/11/1999	17ĐHQTVT2	3,35
69	1751010297	NGUYỄN HÙNG	CƯỜNG	16/03/1999	17ĐHQTVT3	3,08
70	1751010251	TRƯƠNG THỊ NGỌC	HIỀN	23/09/1999	17ĐHQTVT3	3,06
71	1751010210	PHẠM MỸ	HUYỀN	31/07/1999	17ĐHQTVT3	3,19
72	1751010254	TRƯƠNG NGUYỄN THỊ MAI	LOAN	20/05/1999	17ĐHQTVT3	3,05
73	1751010294	VÕ PHẠM THU	NGÂN	25/01/1999	17ĐHQTVT3	3,01
74	1751010243	LÊ NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	09/04/1999	17ĐHQTVT3	3
75	1751010261	TRẦN BẢO	PHƯƠNG	26/01/1999	17ĐHQTVT3	3,23
76	1751010220	CHÂU THỊ ANH	THÚ	16/05/1999	17ĐHQTVT3	3,08
77	1751010415	TRẦN NGỌC	CẨM	15/11/1999	17ĐHQTVT4	3,28
78	1751010375	BÙI THỊ THỦY	DUYÊN	05/08/1999	17ĐHQTVT4	3,15
79	1751010328	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	21/05/1999	17ĐHQTVT4	3,25
80	1751010322	PHAN THỊ KIM	DUYÊN	08/10/1999	17ĐHQTVT4	3,01
81	1751010396	NGUYỄN THANH	GIÀU	26/10/1998	17ĐHQTVT4	3,64
82	1751010329	ĐỖ THỊ THU	HIỀN	07/02/1999	17ĐHQTVT4	3,12
83	1751010339	NGÔ ÁNH	LINH	28/08/1999	17ĐHQTVT4	3,09
84	1751010354	NGUYỄN PHAN HÀ	LINH	14/10/1999	17ĐHQTVT4	3,04
85	1751010368	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	09/01/1998	17ĐHQTVT4	3,25
86	1751010340	TRẦN NGỌC HOÀNG	OANH	12/12/1999	17ĐHQTVT4	3,02
87	1751010382	TRẦN THỊ YẾN	OANH	01/03/1999	17ĐHQTVT4	3,1
88	1751010314	VŨ THỊ BĂNG	SAO	18/01/1999	17ĐHQTVT4	3,22
89	1751010321	ĐOÀN THỊ KIM	THỦY	05/09/1999	17ĐHQTVT4	3,24
90	1751010390	LÊ PHÙNG NHÂN	TRÂN	05/05/1999	17ĐHQTVT4	3,09
91	1751010366	NGUYỄN HỒNG	TƯƠI	23/04/1999	17ĐHQTVT4	3,45
92	1751010057	PHẠM LÊ QUỲNH	ANH	16/06/1999	17ĐHQTVT5	3,4
93	1751010416	NGUYỄN NGỌC	HÂN	26/03/1998	17ĐHQTVT5	3,27
94	1751010433	LÊ THỊ THANH	HIỀN	22/04/1999	17ĐHQTVT5	3
95	1751010424	VŨ THỊ	HUYỀN	25/01/1999	17ĐHQTVT5	3,16
96	1751010089	NGUYỄN NGỌC THIÊN	KIM	06/11/1999	17ĐHQTVT5	3,52
97	1751010439	HOÀNG THỊ TUYẾT	NGÂN	29/08/1999	17ĐHQTVT5	3,21
98	1751010410	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	26/06/1999	17ĐHQTVT5	3,26
99	1751010080	LÊ THANH	TRÚC	27/06/1999	17ĐHQTVT5	3,08

Tổng số sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận : 99 sinh viên

P. PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Thị Cẩm Lệ

PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO